



AN NINH CON NGƯỜI: THAY ĐỔI LỚN HAY MỘT NHẤT THỜI?

Nguồn: Roland Paris (2001). "Human Security: Paradigm Shift or Hot Air?" *International Security*, Vol. 26, No. 2, pp. 87–102.

Biên dịch: Võ Thị Trúc Ngân | **Hiệu đính:** Lê Hồng Hiệp

An ninh con người là thuật ngữ gần đây nhất trong một loạt từ mới được sáng tạo – bao gồm an ninh chung, an ninh toàn cầu, an ninh hợp tác, và an ninh toàn diện – những khái niệm vốn khuyến khích các nhà hoạch định chính sách và các học giả nghĩ về an ninh quốc tế vượt ra ngoài vấn đề bảo vệ các lợi ích quốc gia và lãnh thổ thông qua biện pháp quân sự. Mặc dù có nhiều định nghĩa khác nhau về an ninh con người, hầu hết các công thức đều nhấn mạnh đến phúc lợi của dân thường. Trong số những người thúc đẩy mạnh mẽ nhất an ninh con người có chính phủ của Canada và Na Uy. Họ đi đầu trong việc lập nên một "mạng lưới an ninh con người" bao gồm các nhà nước và các tổ chức phi chính phủ (NGO) ủng hộ khái niệm này.¹ Thuật ngữ này cũng bắt đầu xuất hiện trong các công trình học thuật,² và là chủ đề của những dự án nghiên cứu mới trong vài trường đại học lớn.³

¹ Các nước khác trong mạng lưới bao gồm: Úc, Chi Lê, Hy Lạp, Ai-len, Jordan, Mali, Hà Lan, Slovenia, Thụy Sĩ, và Thái Lan. Xem "Chairman's Summary", Cuộc họp Bộ trưởng lần 2 của Mạng lưới An ninh Con người, Lucerne, Thụy Sĩ, 11–12 tháng 5, 2000, http://www.dfaitmaeci.gc.ca/foreignp/humansecurity/Chairman_summary-e.asp (truy cập ngày 14 tháng 2, 2001).

² Ví dụ, Yuen Foong Khong, "Human Security: A Shotgun Approach to Alleviating Human Misery?" *Global Governance*, Vol. 7, No. 3 (tháng 7 – tháng 9, 2001); Oliver Richmond, "Human Security, the 'Rule of Law,' and NGOs: Potentials and Problems for Humanitarian Intervention," *Human Rights Review*, Vol. 2, No. 4 (tháng 7 – tháng 9 2001); Astri Suhrke, "Human Security and the Interests of States," *Security Dialogue*, Vol. 30, No. 3 (September 1999), pp. 265–276; Peter Stoett, *Human and Global Security: An Exploration of Terms* (Toronto: University of Toronto Press, 1999); Caroline Thomas and Peter Wilkin, eds., *Globalization, Human Security, and the African Experience* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 1999); Jorge Nef, *Human Security and Mutual Vulnerability: The Global*

Một số nhà bình luận cho rằng an ninh con người đại diện cho một mô hình mới đối với các học giả cũng như những người thực hành chính sách. Tuy nhiên, bất chấp những tuyên bố này, vẫn còn chưa rõ liệu khái niệm an ninh con người có thể đóng vai trò như một hướng dẫn thiết thực cho nghiên cứu khoa học hoặc hoạch định chính sách của chính phủ hay không. Như Daniel Deudney đã viết trong một bối cảnh khác, "Không phải tất cả sự sáng tạo thuật ngữ mới đều hợp lý hoặc hữu ích như nhau".⁴ Đặc biệt, hai vấn đề làm giới hạn tính hữu ích của khái niệm an ninh con người đối với giới nghiên cứu lẫn thực hành chính trị quốc tế. Đầu tiên, khái niệm thiếu một định nghĩa chính xác. An ninh con người cũng giống như "phát triển bền vững", tất cả mọi người đều ủng hộ, nhưng rất ít người có một ý niệm rõ ràng về ý nghĩa của nó. Các định nghĩa hiện có của an ninh con người có xu hướng mở rộng và mơ hồ một cách quá mức, bao quát tất cả mọi thứ từ an ninh thân thể đến sức khỏe về tâm lý. Điều này không cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách nhiều chỉ dẫn để sắp xếp thứ tự ưu tiên các mục tiêu chính sách cạnh tranh lẫn nhau và cho các học giả những ý niệm về chính xác cái gì cần được nghiên cứu.

Thứ hai, những người ủng hộ nhiệt tình nhất của an ninh con người dường như có lợi ích trong việc giữ cho thuật ngữ mở rộng và mơ hồ. Ý tưởng về an ninh con người là chất keo gắn kết một liên minh lộn xộn các "cường quốc hạng trung", các cơ quan phục vụ phát triển, và các tổ chức phi chính phủ - tất cả đều tìm cách chuyển sự chú ý và nguồn lực từ các vấn đề an ninh truyền thống và hướng tới những mục tiêu vốn lâu nay được xếp vào lĩnh vực phát triển quốc tế. Là một khái niệm giúp thống nhất liên minh này, an ninh con người có sức ảnh hưởng lớn chính vì nó thiếu sự chính xác và do đó bao gồm các quan điểm đa dạng và mục tiêu của tất cả thành viên liên minh. Thuật ngữ, nói tóm lại, dường như khó nắm bắt một cách có chủ đích. Sự mơ hồ có chủ ý biến an ninh con người thành một khẩu hiệu vận động hiệu quả, nhưng nó cũng làm giảm bớt tính hữu dụng của khái niệm như là một chỉ dẫn cho việc nghiên cứu khoa học hoặc hoạch định chính sách.

Political Economy of Development and Underdevelopment, 2d ed. (Ottawa: International Development Research Centre, 1999); Majid Tehranian, ed., *Worlds Apart: Human Security and Global Governance* (London: I.B. Tauris, 1999); Heather Owens and Barbara Arneil, "The Human Security Paradigm Shift: A New Lens on Canadian Foreign Policy? Report of the University of British Columbia Symposium on Human Security," *ibid.*, pp. 1–12; Ramesh Thakur, "The United Nations and Human Security," *ibid.*, pp. 51–60; and Tatsuro Matsumae and L.C. Chen, eds., *Common Security in Asia: New Concept of Human Security* (Tokyo: Tokai University Press, 1995).

³ Bao gồm Chương trình của Đại học Harvard về An ninh Con người, Trường Cao học về Nghiên cứu Quốc tế của Đại học Denver, Học viên Á – Úc của Đại học New South Wales và Học viện Quan hệ Quốc tế của Đại học British Columbia.

⁴ Daniel Deudney, "Environment and Security: Muddled Thinking," *Bulletin of the Atomic Scientists*, Vol. 47, No. 3 (tháng 4, 1991), p. 23.

Nói vậy không phải để cho rằng an ninh con người chỉ là “một nhất thời” hoặc lời lẽ trống rỗng. Liên minh chính trị vốn hiện giờ sử dụng an ninh con người như một lời kêu gọi đã ghi nhận các thành tích đáng kể, bao gồm việc ký kết công ước về chống mìn sát thương cá nhân và việc sắp sửa thành lập một tòa án hình sự quốc tế. Liên minh của một số quốc gia và các nhóm vận động chính sách đã làm thay đổi cảnh quan chính trị quốc tế kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, như Richard Price và những người khác đã chỉ ra.⁵ Nhưng nói rằng an ninh con người là một lời kêu gọi hiệu quả khác với việc tuyên bố rằng khái niệm này đưa ra một khuôn khổ phân tích hữu ích, như một vài người ủng hộ khái niệm này đã lập luận.⁶ Các khẩu hiệu chiến dịch có thể có hiệu quả mà không cần được xác định rõ ràng. Ví dụ, tác động của luận điệu về Xã hội Vĩ đại (Great Society) của tổng thống Lyndon Johnson có thể được xem là có ý nghĩa – đóng vai trò là 1 tâm điểm cho những người ủng hộ chính trị chương trình cải cách xã hội của ông – nhưng ý nghĩa chính xác của thuật ngữ “Xã hội Vĩ đại” thì vẫn mơ hồ. Tương tự, người ta có thể ủng hộ những mục tiêu chính trị của liên minh an ninh con người trong khi thừa nhận rằng ý tưởng an ninh con người bản thân nó vẫn còn không rõ ràng.

Bài viết này có trình tự như sau. Thứ nhất, tôi kiểm tra các định nghĩa hiện có về an ninh con người. Thứ hai, tôi tìm hiểu các giới hạn của an ninh con người trong vai trò là một chỉ dẫn thực tế cho việc nghiên cứu khoa học và hoạch định chính sách. Thứ ba, tôi xem xét những nỗ lực gần đây để thu hẹp định nghĩa về an ninh con người. Thứ tư, tôi xem xét những cách mà khái niệm này bất chấp các giới hạn của mình đã có thể đóng góp vào việc nghiên cứu quan hệ quốc tế và vấn đề an ninh như thế nào.

An ninh con người là gì?

Tuyên bố quan trọng đầu tiên liên quan đến an ninh con người đã xuất hiện vào năm 1994 trong *Báo cáo Phát triển Con người (Human Development Report)*, một ấn phẩm hàng năm của Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). Báo cáo lập luận rằng: “Khái niệm an ninh từ lâu đã được diễn giải một cách hạn hẹp: là an ninh lãnh thổ trước sự xâm lược bên ngoài, hoặc sự bảo vệ lợi ích quốc gia trong chính sách đối ngoại, hoặc là an ninh toàn cầu trước mối đe dọa hủy diệt hàng loạt

⁵ Richard Price, “Reversing the Gun Sights: Transnational Civil Society Targets Land Mines,” *International Organization*, Vol. 52, No. 3 (Mùa hè 1998), pp. 613–644; Craig Warkentin and Karen Mingst, “International Institutions, the State, and Global Civil Society in the Age of the World Wide Web,” *Global Governance*, Vol. 6, No. 2 (tháng 4 – tháng 6, 2000), pp. 237–257.

⁶ Laura Reed and Majid Tehranian, “Evolving Security Regimes,” in Tehranian, *Worlds Apart*, p. 35.

do vũ khí hạt nhân...Những mối quan tâm hợp pháp của những người dân thường vốn tìm kiếm an ninh trong cuộc sống thường ngày của họ đã bị lãng quên”.⁷ Lời phê bình này là rõ ràng và mạnh mẽ, nhưng đề xuất sau đó của báo cáo cho một khái niệm mới về an ninh – an ninh con người – lại thiếu sự chính xác: “An ninh con người có thể nói gồm hai khía cạnh chính. Đầu tiên, nó có nghĩa là an toàn trước những mối đe dọa kinh niên như nạn đói, bệnh tật và sự đàn áp. Thứ hai, nó có nghĩa là bảo vệ chống lại sự phá vỡ đột ngột và gây tổn thương đối với mẫu hình cuộc sống hàng ngày – cho dù là trong gia đình, trong công việc hay trong cộng đồng.”⁸ Phạm vi của định nghĩa này lại quá rộng lớn: Hầu như bất cứ loại sự cố bất ngờ và bất thường nào đều có thể tạo ra mối đe dọa đến an ninh con người. Có lẽ đoán trước những chỉ trích này, tác giả bài báo cáo xác định bảy yếu tố cụ thể cấu thành an ninh con người, gồm: (1) an ninh kinh tế (vd: thoát khỏi nghèo đói); (2) an ninh lương thực (vd: tiếp cận lương thực); (3) an ninh y tế (vd: tiếp cận việc chăm sóc sức khỏe và sự bảo vệ chống lại bệnh tật); (4) an ninh môi trường (vd: sự bảo vệ khỏi các mối nguy hiểm như ô nhiễm môi trường và sự cạn kiệt tài nguyên); (5) an ninh cá nhân (vd: an toàn thể chất trước sự tra tấn, chiến tranh, tấn công của tội phạm, bạo lực gia đình, sử dụng ma túy, tự sát và thậm chí là tai nạn giao thông); (6) an ninh cộng đồng (vd: sự tồn tại của các nền văn hóa truyền thống và các nhóm thiểu số cũng như an ninh thể chất của các nhóm này); và (7) an ninh chính trị (vd: sự hưởng thụ về quyền công dân và quyền chính trị và tự do không bị áp bức chính trị). Danh sách này quá rộng đến nỗi thật khó để xác định có cái gì có thể bị loại trừ ra khỏi định nghĩa an ninh con người. Thực chất, những người soạn báo cáo dường như rõ ràng không hứng thú với việc tạo nên bất cứ ranh giới nào cho định nghĩa. Thay vào đó, họ tìm cách ca ngợi những đặc tính “chứa đựng tất cả” và “mang tính tích hợp” của khái niệm an ninh con người, cái mà họ rõ ràng xem như là những điểm mạnh chính của khái niệm này.⁹

Ngày nay, khái niệm về an ninh con người năm 1994 của UNDP vẫn là định nghĩa được trích dẫn rộng rãi nhất và “chính thống nhất”,¹⁰ mặc dù những thành viên khác nhau của liên minh an ninh con người điều chỉnh định nghĩa cho thích hợp với lợi ích của họ. Ví dụ, theo chính phủ Nhật, khái niệm an ninh con người “bao gồm một cách toàn diện tất cả các vấn đề đe dọa sự sống còn của con người, cuộc sống hàng ngày, và nhân phẩm của họ, ví dụ như suy thoái môi trường, vi

⁷ Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, Báo cáo Phát triển Con người, 1994 (New York: Oxford University Press, 1994), p. 22.

⁸ Như trên, p. 23.

⁹ Như trên, p. 24.

¹⁰ John G. Cockell, “Conceptualising Peacebuilding: Human Security and Sustainable Peace,” in Michael Pugh, ed., *Regeneration of War-Torn Societies* (London: Macmillan, 2000), p. 21.

phạm các quyền con người, tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, ma túy, người tị nạn, nghèo đói, mìn sát thương,... các bệnh truyền nhiễm như AIDS - và tăng cường nỗ lực để đối mặt trước với các mối đe dọa này."¹¹ Những nhà nước khác như Canada đã thúc đẩy một định nghĩa hạn chế hơn về an ninh con người, coi nó là việc "thoát khỏi những mối đe dọa phổ biến đến các quyền, sự an toàn hay cuộc sống của con người."¹² Nhưng ngay cả khái niệm hẹp hơn này của an ninh con người vẫn quá rộng và mở: Bên cạnh các vấn đề khác thì định nghĩa của Canada bao gồm sự an toàn trước các mối đe dọa thể chất, việc đạt được một chất lượng cuộc sống có thể chấp nhận được, bảo đảm các quyền con người cơ bản, nền pháp quyền, quản trị tốt, công bằng xã hội, bảo vệ người dân trong các cuộc xung đột và sự phát triển bền vững.¹³ Trong khi đó, mạng lưới an ninh con người – vốn ngoài Canada, Na Uy, và Nhật Bản còn bao gồm một số nhà nước khác và một loạt các tổ chức phi chính phủ quốc tế - đã cam kết theo đuổi mục tiêu "tăng cường an ninh con người nhằm tạo ra một thế giới nhân bản hơn nơi mà mọi người có thể sống trong an ninh và phẩm giá, thỏa mãn được các mong muốn và không chịu các sợ hãi, đồng thời có cơ hội bình đẳng để phát triển đầy đủ tiềm năng con người của họ."¹⁴ Những quan điểm được thể hiện trong các báo cáo này là đáng trân trọng, nhưng họ nỗ lực rất ít trong việc làm rõ ý nghĩa hay các ranh giới của khái niệm an ninh con người.

Tương tự, một vài nghiên cứu học thuật về chủ đề này cũng không rõ ràng. Nhiều công trình chung quy chỉ là những bản trình bày lại hay chỉnh sửa lại danh sách của UNDP về các vấn đề an ninh con người. Ví dụ, Jorge Nef nghĩ ra một hệ thống phân loại gồm năm phần, ông cho rằng an ninh con người bao gồm (1) an ninh môi trường, cá nhân, và thể chất, (2) an ninh kinh tế, (3) an ninh xã hội, bao gồm "thoát khỏi sự phân biệt đối xử dựa trên tuổi tác, giới tính, dân tộc, hoặc địa vị xã hội "(4) an ninh chính trị, và (5) an ninh văn hóa, hay " tập hợp các định hướng tâm lý của xã hội hướng đến việc duy trì và tăng cường khả năng kiểm soát sự

¹¹ Bộ Ngoại giao Nhật Bản, *Diplomatic Bluebook*, 1999, chap. 2, sec. 3. Xem thêm "Statement by Director-General Yukio Takasu at the International Conference on Human Security in a Globalized World," Ulan Bator, ngày 8 tháng 5, 2000. Tất cả những tài liệu này được cung cấp lại trên website của Bộ ngoại giao Nhật Bản tại <http://www.mofa.go.jp> (truy cập ngày 14 tháng 2, 2001).

¹² Bộ ngoại giao Canada: <http://www.dfait-maeci.gc.ca/foreignp/humansecurity/menu-e.asp> (truy cập ngày 14 tháng 2, 2001). Xem thêm bản tuyên bố của cựu Bộ trưởng Ngoại giao Canada Lloyd Axworthy, "Canada and Human Security: The Need for Leadership," *International Journal*, Vol. 52, No. 2 (mùa xuân 1997), pp. 183–196. Từ khi rời chức Bộ trưởng Ngoại giao vào năm 2000, Axworthy tiếp tục tán thành khái niệm về an ninh con người; xem Lloyd Axworthy, "Human Security and Global Governance: Putting People First," *Global Governance*, Vol. 7, No. 1 (tháng 1 – tháng 3 năm 2001), pp. 19–23.

¹³ Axworthy, "Canada and Human Security," p. 184.

¹⁴ "Chairman's Summary," Cuộc họp Bộ trưởng lần 2 của mạng lưới An ninh con người.

không chắc chắn và sợ hãi."¹⁵ Laura Reed và Majid Tehranian đưa ra danh sách của mình về mười yếu tố cấu thành an ninh con người, bao gồm cả an ninh tâm lý, cái "xoay quanh các điều kiện căn bản thúc đẩy sự tôn trọng, yêu thương và quan hệ nhân bản giữa các cá nhân," và an ninh thông tin liên lạc, tức tầm quan trọng của "sự tự do và cân bằng trong dòng chảy thông tin."¹⁶

Những học giả khác tránh cách tiếp cận danh sách dài dằng dặc, nhưng đưa ra các định nghĩa mở rộng tương tự. Theo Caroline Thomas, an ninh con người đề cập đến việc cung cấp các "nhu cầu vật chất cơ bản" và sự thực hiện "phẩm giá con người", bao gồm "giải phóng khỏi các cấu trúc quyền lực áp bức - dù đó là các cấu trúc mang tính toàn cầu, quốc gia hay cục bộ về nguồn gốc và phạm vi."¹⁷ Theo Robert Bedeski, an ninh con người bao gồm "toàn bộ các kiến thức, công nghệ, thể chế và các hoạt động nhằm bảo vệ, ủng hộ và bảo tồn sự tồn tại về mặt sinh học của cuộc sống con người cũng như các quá trình nhằm bảo vệ và hoàn thiện hòa bình và thịnh vượng chung để tăng cường tự do của con người."¹⁸ Một lần nữa, nếu an ninh con người là tất cả những điều này, vậy còn điều gì mà nó không đề cập tới?

Một định hướng cho việc nghiên cứu và hoạch định chính sách?

Các nhà hoạch định chính sách và các học giả phải đối mặt các vấn đề khác nhau, nhưng có liên quan, trong nỗ lực đưa những định nghĩa về an ninh con người này vào sử dụng thực tế. Đối với những nhà hoạch định chính sách, thách thức là vượt qua những lời hô hào và tập trung vào các giải pháp cụ thể cho các vấn đề chính trị cụ thể. Đây là một nhiệm vụ khó khăn không chỉ bởi vì sự bao quát rộng và tính co dãn về mặt định nghĩa của hầu hết các công thức về an ninh con người mà còn bởi vì – và có lẽ thậm chí khó giải quyết hơn – là những người ủng hộ an ninh con người thường miễn cưỡng trong việc sắp xếp thứ tự ưu tiên mới lộn xộn các mục tiêu và nguyên tắc tạo nên khái niệm này. Như đã nói ở trên, một phần khía cạnh đạo đức của phong trào an ninh con người là nhấn mạnh "sự toàn diện không loại trừ ai" (inclusiveness) và "bao quát" (holism) của thuật ngữ, cái mà trong thực tế dường như có nghĩa là xem xét tất cả các lợi ích và mục tiêu trong phong trào có giá trị ngang nhau.

¹⁵ Nef, *Human Security and Mutual Vulnerability*, p. 25.

¹⁶ Reed and Tehranian, "Evolving Security Regimes," pp. 39 and 47.

¹⁷ Caroline Thomas, "Introduction," in Thomas and Wilkin, *Globalization, Human Security, and the African Experience*, p. 3

¹⁸ Robert Bedeski, "Human Security, Knowledge, and the Evolution of the Northeast Asian State," *Trung tâm Nghiên cứu Toàn cầu, Đại học Victoria*, 8 tháng 2, 2000, <http://www.globalcentres.org/docs/bedeski.html> (accessed on February 14, 2001).

Ví dụ, Reed và Tehranian sau khi trình bày danh sách của họ về mười loại thành tố của an ninh con người đã kết luận rằng: "Cần phải nhắc lại rằng những phạm trù chồng chéo này không đại diện cho một hệ thống thứ bậc các nhu cầu an ninh từ cấp độ quyền cá nhân lên đến các cấp độ quyền quốc gia, quốc tế, và môi trường. Ngược lại, mỗi lĩnh vực dựa vào những lĩnh vực khác và về bản chất được kết nối với những cân nhắc chính trị và kinh tế rộng lớn hơn."¹⁹ Ý kiến cho rằng tất cả các lĩnh vực con người và tự nhiên về cơ bản liên quan đến nhau là một sự thật hiển nhiên, và không cung cấp một sự biện minh thuyết phục để coi tất cả các nhu cầu, giá trị và mục tiêu chính sách là quan trọng ngang nhau. Nó cũng không giúp những người ra quyết định trong công việc hàng ngày của họ là phân bổ các nguồn lực khan hiếm cho những mục tiêu cạnh tranh lẫn nhau: Rốt cục, không phải mọi vấn đề đều là vấn đề an ninh quốc gia nếu xét đến tính cấp bách mà khái niệm an ninh quốc gia ngầm định. Nói một cách đơn giản, an ninh con người là "một khái niệm quá rộng và mơ hồ đối với các nhà hoạch định chính sách, vì một mặt nó liên quan đến một loạt các mối đe dọa rộng khắp khác nhau, một mặt lại chỉ ra một tập hợp các giải pháp chính sách đa dạng và đôi khi xung khắc nhau để giải quyết các mối đe dọa đó".²⁰

Đối với những người nghiên cứu chứ không phải thực hành chính trị quốc tế, nhiệm vụ chuyển ý tưởng về an ninh con người thành một công cụ phân tích hữu dụng cho nghiên cứu học thuật là một việc làm khó khăn. Với mớ hỗn độn các nguyên tắc và mục tiêu liên quan đến khái niệm, việc các học giả thậm chí nên nghiên cứu gì cũng là điều không rõ ràng. An ninh con người dường như có khả năng hỗ trợ hầu như bất cứ giả thuyết nào cùng với giả thuyết đối lập của nó, tùy thuộc vào những định kiến và lợi ích của nhà nghiên cứu cụ thể. Hơn nữa, do khái niệm về an ninh con người bao gồm cả an ninh vật lý và các khái niệm chung chung về an ninh xã hội, kinh tế, văn hóa và tâm lý nên sẽ không thực tế nếu nói rằng các yếu tố kinh tế xã hội nhất định nào đó "gây ra" một sự gia tăng hay suy giảm về an ninh con người bởi lẽ những yếu tố này bản thân nó là một phần của định nghĩa về an ninh con người. Các nghiên cứu về mối quan hệ nhân quả đòi hỏi một mức độ tách biệt về mặt phân tích mà khái niệm an ninh con người không có.²¹

Để minh họa cho những vấn đề này, hãy xem xét những nỗ lực của John Cockell trong việc áp dụng các khái niệm an ninh con người vào hiện tượng các chiến dịch xây dựng hoà bình quốc tế tại các nước đang có nguy cơ rơi vào, hoặc

¹⁹ Reed and Tehranian, "Evolving Security Regimes," p. 53.

²⁰ Owens and Arneil, "The Human Security Paradigm Shift," p. 2.

²¹ Suhrke có cùng quan điểm trong "Human Security and the Interests of States," pp. 270–271

chỉ mới thoát ra từ các cuộc nội chiến.²² Sau khi áp dụng khái niệm an ninh con người theo hướng mở của UNDP, Cockell nói rằng "xây dựng hoà bình là một quá trình liên tục nhằm ngăn chặn các mối đe dọa nội bộ đến an ninh con người gây ra xung đột bạo lực kéo dài."²³ Tuy nhiên, bởi vì định nghĩa của UNDP về an ninh con người bao gồm cả an toàn trước bạo lực như là một thành phần trung tâm của khái niệm an ninh con người nên Cockell cơ bản đang nói rằng xây dựng hoà bình là tìm cách ngăn chặn một sự suy giảm an ninh con người này gây nên một sự suy giảm an ninh con người khác, một điều nghe rất vô nghĩa. Sau đó, ông xác định "bốn thông số cơ bản" dựa trên các nguyên tắc của an ninh con người để tiến hành các chiến dịch xây dựng hoà bình: Những người xây dựng hoà bình nên tập trung vào nguyên nhân gốc rễ của xung đột, chú ý đến sự khác biệt về điều kiện địa phương giữa các chiến dịch khác nhau, tìm kiếm những kết quả lâu dài và bền vững, và huy động các nhân tố và nguồn lực địa phương trong việc hỗ trợ hòa bình. Mặc dù những hướng dẫn này có vẻ hợp lý, khái niệm rộng mở của an ninh con người có thể hỗ trợ nhiều nguyên tắc xây dựng hoà bình hơn nữa, khác biệt hơn nữa. Thực sự, bản thân Cockell thừa nhận rằng những kiến nghị chính sách của ông là "tùy ý", trái ngược với quan điểm cho rằng an ninh con người bao gồm một "định hướng" riêng biệt hướng tới việc xây dựng hoà bình như Cockell tuyên bố.²⁴ Nói rộng ra, nếu an ninh con người có nghĩa là gần như mọi thứ, thì về cơ bản nó không có nghĩa là gì cả.²⁵

Nỗ lực thu hẹp khái niệm

Một biện pháp khắc phục khả dĩ đối với sự mở rộng và mơ hồ của an ninh con người là xác định lại khái niệm theo hướng hẹp hơn và chính xác hơn, để nó có thể định hướng tốt hơn cho việc nghiên cứu và hoạch định chính sách. Đây là cách tiếp cận mà Gary King và Christopher Murray đã áp dụng trong dự án đang tiến triển của họ về an ninh con người.²⁶ King và Murray đưa ra một định nghĩa về an ninh con người mà được dự kiến bao gồm chỉ các yếu tố "thiết yếu", nghĩa là những yếu tố "đủ quan trọng đối với con người để họ phải giành giật nếu không sẽ khiến tính mạng, tài sản của họ rơi vào rủi ro lớn."²⁷ Họ sử dụng tiêu chuẩn này để xác định

²² Cockell, "Conceptualising Peacebuilding."

²³ Như trên, p. 21.

²⁴ Như trên, pp. 26, 21.

²⁵ Về vấn đề "dàn trải khái niệm", xem Giovanni Sartori, "Concept Misinformation in Comparative Politics," *American Political Science Review*, Vol. 64, No. 4 (December 1970), pp. 1033– 1053

²⁶ Gary King and Christopher Murray, "Rethinking Human Security," Harvard University, May 4, 2000, <http://gking.harvard.edu/ales/hs.pdf> (accessed on February 14, 2001).

²⁷ Như trên, p. 8.

năm chỉ số quan trọng của an ninh - đói nghèo, sức khỏe, giáo dục, tự do chính trị, và chế độ dân chủ - những yếu tố mà họ dự định kết hợp vào việc đo lường tổng thể an ninh con người cho các cá nhân và các nhóm. Tương tự, một học giả khác, Kanti Bajpai, đề xuất xây dựng một "thống kê an ninh con người" bao gồm việc đo lường "các mối đe dọa trực tiếp và gián tiếp đối với an toàn thân thể và tự do của các cá nhân", cũng như đo lường "năng lực của các xã hội khác nhau trong việc đối phó với các mối đe dọa, cụ thể là việc thúc đẩy những quy chuẩn, thể chế, và ... tính đại diện trong các cấu trúc ra quyết định."²⁸ Mặc dù cả hai dự án vẫn đang trong giai đoạn phát triển ban đầu nhưng chúng đại diện cho những nỗ lực nhằm triển khai các khái niệm về an ninh con người với một định nghĩa chính xác hơn. Một cách đo lường hay xác định an ninh con người rõ ràng sẽ cho phép các học giả đánh giá những yếu tố dẫn đến sự sụt giảm hoặc gia tăng về an ninh con người của các nhóm hay các cá nhân cụ thể.²⁹

Tuy nhiên, cả hai dự án phải đối mặt với những vấn đề dường như cố hữu đối với nghiên cứu về an ninh con người. Đầu tiên, chúng xác định những giá trị nhất định quan trọng hơn những giá trị khác mà không cung cấp một sự biện minh rõ ràng cho việc đó. Ví dụ, Bajpai đề xuất việc đưa "an toàn thân thể" và "tự do cá nhân" vào trong đo lường an ninh con người của mình, và lập luận rằng điều này sẽ thu hút sự chú ý đến thực tế "các mối đe dọa đến an toàn và tự do là những yếu tố quan trọng nhất" của an ninh con người.³⁰ Tuy nhiên, ông không giải thích tại sao những giá trị khác không quan trọng bằng hoặc thậm chí quan trọng hơn những giá trị mà ông bảo vệ. Giáo dục thì sao? Liệu khả năng lựa chọn đối tác hôn nhân của một người, một trong những ví dụ về tự do cá nhân của Bajpai, có thực sự quan trọng hơn việc người đó được giáo dục tốt? Có lẽ là như vậy nhưng Bajpai không đề cập đến vấn đề này.

Tương tự như vậy, King và Murray cho rằng công thức của họ về an ninh con người chỉ bao gồm những vấn đề mà mọi người sẽ sẵn sàng để bảo vệ. Nhưng họ bỏ quên việc cung cấp bằng chứng cho thấy trên thực tế năm chỉ số của họ liên quan chặt chẽ đến nguy cơ xung đột bạo lực. Nói cách khác, họ ủng hộ các giá trị nhất định làm đại diện cho an ninh con người mà không đưa ra một giải thích rõ

²⁸ Kanti Bajpai, "Human Security: Concept and Measurement," Kroc Institute Occasional Paper No. 19:OP:1 (Notre Dame, Ind.: University of Notre Dame, August 2000), http://www.nd.edu/~krocinst/ocpapers/op_19_1.PDF (accessed on February 14, 2001).

²⁹ Bên cạnh những dự án này, vào ngày 24 tháng 1, 2001, Liên Hợp Quốc và chính phủ Nhật đã thông báo những kế hoạch thành lập Ủy ban về An ninh con người được đồng chủ trì bởi người đoạt giải Nobel Amartya Sen và người sáng lập Ủy ban cấp cao về Quyền con người của Liên Hợp Quốc Sadako Ogata. Xem "Independent Panel on 'Human Security' To Be Set Up," Agence France-Press, ngày 24 tháng 1, 2001.

³⁰ Như trên, p. 53.

ràng cho việc thực hiện như vậy. Ngoài ra, quyết định của họ về việc loại trừ các chỉ số về bạo lực ra khỏi thước đo tổng hợp về an ninh con người đã tạo ra sự phân biệt trên thực tế giữa an ninh con người với an ninh thể chất, qua đó làm mất đi ý nghĩa quen thuộc nhất của an ninh - an toàn trước bạo lực - trong định nghĩa của họ về an ninh con người. Theo công thức của King-Murray, các cá nhân có thể rơi vào một vị thế kỳ lạ khi được tận hưởng một mức độ cao về an ninh con người (đói nghèo thấp, chăm sóc sức khỏe hợp lý, nền giáo dục tốt, tự do chính trị và dân chủ), trong khi phải đối mặt với một nguy cơ tương đối cao của việc trở thành nạn nhân của bạo lực gây chết người. Người ta chỉ cần nghĩ về cư dân của các khu phố nhất định ở Belfast, những người có thể không xem bản thân mình là "an toàn" (là đã hiểu được sự phi lý của việc này – NHD). Do đó, thách thức đối với các học giả không chỉ đơn giản là thu hẹp định nghĩa về an ninh con người thành một khái niệm dễ vận dụng về mặt phân tích hơn mà còn cung cấp một lý do thuyết phục cho việc làm nổi bật những giá trị nhất định.

Điều này đặt ra một vấn đề khác. Xác định những giá trị cốt lõi của an ninh con người có thể khó khăn không chỉ bởi vì có rất ít sự nhất trí về ý nghĩa của an ninh con người mà còn bởi vì sự mơ hồ của thuật ngữ phục vụ cho một mục đích cụ thể: nó kết hợp một liên minh đa dạng và đôi khi rời rã của các quốc gia, tổ chức vốn "nhìn thấy một cơ hội để giành được một số lợi ích chính trị lớn hơn và các nguồn lực tài chính ưu việt hơn" vốn thường được giành cho khái niệm an ninh quân sự truyền thống.³¹ Các chủ thể này trên thực tế theo đuổi một chiến lược chính trị nhằm "chiếm đoạt" thuật ngữ "an ninh", khái niệm vốn hàm ý sự cấp bách, đòi hỏi sự chú ý của công chúng, và chi phối nguồn tài nguyên của chính phủ.³² Hơn nữa, bằng cách duy trì một mức độ mơ hồ nhất định trong khái niệm an ninh con người, các thành viên của liên minh này có thể giảm thiểu những khác biệt cá nhân, do đó đáp ứng được một số lượng lớn nhất có thể các thành viên và các lợi ích khác nhau trong mạng lưới của họ.³³ Trong trường hợp này, họ không muốn

³¹ King & Murray, "Rethinking Human Security," p. 4. Xem thêm Mahbub ul Haq, *Reflections on Human Development*, exp. ed. (Delhi: Oxford University Press, 1998). Về việc sử dụng chiến lược thuật ngữ "an ninh" như là công cụ cho việc thay đổi chính sách hoặc đạt được các nguồn tài nguyên, xem Emma Rothschild, "What Is Security?" *Dædalus*, Vol. 124, No. 3 (Summer 1995), pp. 58–59.

³² Về tính cấp bách được tự động gắn liền với khái niệm an ninh quốc gia, xem David E. Sanger, "Sometimes National Security Says It All," *New York Times*, Week in Review, May 7, 2000, p. 3

³³ Ví dụ, thông cáo của mạng lưới an ninh con người mô tả khái niệm an ninh con người trừu tượng hơn những tài liệu của chính phủ Canada và Nhật trên cùng đề tài. So sánh "Chairman's Summary," Hội nghị Bộ trưởng mạng lưới an ninh con người lần 2, với Government of Canada's "Human Security: Safety for People in a Changing World," Department of Foreign Affairs and International Trade, May 1999, và "Statement by Director-General Yukio Takasu." Bajpai cũng bàn luận vài điểm khác biệt trong "Human Security: Concept and Measurement," như Fen Osler Hampson đã làm trong "The Axworthy Years: An Assessment," bản thuyết trình được chuẩn bị để trình bày cho Nhóm 78,

ủng hộ những lời kêu gọi bên ngoài nhằm cụ thể hóa định nghĩa an ninh con người, bởi vì thu hẹp định nghĩa có khả năng sẽ làm nổi bật và trầm trọng thêm sự khác biệt giữa họ với nhau, thậm chí có thể tới mức loại bỏ những thành viên nhất định và làm suy yếu toàn thể liên minh.

Vậy thì tại sao các học giả nên cần cố gắng để chuyển đổi các khái niệm về an ninh con người thành một công cụ phân tích hữu ích? Tại sao lại dẫn thân vào những gì có thể là một nỗ lực hào hiệp viển vông nhằm giành lấy định nghĩa an ninh con người ra khỏi tay những người có lợi ích trong việc giữ cho nó mơ hồ và mở rộng làm gì? Có lẽ một lựa chọn hợp lý hơn là dùng một thuật ngữ ít liên quan về mặt chính trị, hoặc suy nghĩ về những cách khác mà theo đó khái niệm an ninh con người có thể đóng góp cho lĩnh vực nghiên cứu an ninh.

An ninh con người như một phạm trù nghiên cứu

Lập luận của tôi cho đến nay tóm lại như sau: an ninh con người dường như không cung cấp một khung phân tích đặc biệt hữu ích cho các học giả và các nhà hoạch định chính sách. Nhưng có lẽ có nhiều con đường khác mà ý tưởng về an ninh con người có thể đóng góp cho việc nghiên cứu các mối quan hệ và an ninh quốc tế. Tôi muốn đề nghị một khả năng: an ninh con người có thể đóng vai trò là *tên gọi* cho một phạm trù nghiên cứu rộng trong lĩnh vực nghiên cứu an ninh chủ yếu liên quan đến các mối đe dọa phi quân sự đối với sự an toàn của các xã hội, các nhóm và cá nhân, trái ngược với những phương pháp tiếp cận truyền thống trong việc nghiên cứu an ninh vốn tập trung vào việc bảo vệ các quốc gia khỏi các mối đe dọa bên ngoài. Phần lớn công việc này tương đối mới, và sự hiểu biết của chúng ta về việc các nghiên cứu như vậy "phù hợp" như thế nào với lĩnh vực lớn hơn về nghiên cứu an ninh vẫn còn hạn chế. Nói cách khác, ngay cả khi khái niệm an ninh con người tự bản thân nó quá mơ hồ để có thể đưa ra những câu hỏi nghiên cứu cụ thể thì nó vẫn có thể đóng vai trò phân loại hữu ích trong lĩnh vực này bằng cách giúp phân loại các dạng nghiên cứu học thuật khác nhau. Sử dụng an ninh con người theo cách này sẽ tương thích với *tinh thần* của thuật ngữ - đặc biệt là sự nhấn mạnh của nó đối với các nguồn phi quân sự của xung đột - trong khi thừa nhận rằng việc tìm cách triển khai bản thân khái niệm an ninh con người vốn thay đổi thường xuyên là không mấy hữu ích.

Bất chấp phản đối từ một số học giả, chẳng hạn như Stephen Walt, lĩnh vực nghiên cứu an ninh đã phát triển vượt ra ngoài sự tập trung truyền thống vào "mối đe dọa, sử dụng và kiểm soát lực lượng quân sự" chủ yếu bởi các quốc gia.³⁴ Đặc biệt, kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, chủ đề của nghiên cứu an ninh đã trải qua cả sự "mở rộng" lẫn "đào sâu."³⁵ Mở rộng nghĩa là xem xét những mối đe dọa an ninh phi quân sự, chẳng hạn như tình trạng khan hiếm tài nguyên và suy thoái môi trường, sự lây lan của bệnh tật, dân số quá đông, làn sóng tị nạn hàng loạt, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa khủng bố và thảm họa hạt nhân.³⁶ Đào sâu hơn nghĩa là lĩnh vực này bây giờ đã sẵn lòng hơn để xem xét đến an ninh của các cá nhân và các nhóm thay vì chỉ tập trung hẹp vào các mối đe dọa bên ngoài đối với các quốc gia.³⁷ Những nỗ lực này đã được thúc đẩy một phần bởi sự đóng góp của các nhà lý luận "phê phán" – bao gồm những nhà nữ quyền, các nhà lý thuyết hậu hiện đại, và các nhà kiến tạo chủ nghĩa – những người mà đã tìm hiểu các giả định và những tác động chính trị của thuật ngữ "an ninh".³⁸

Bằng cách sử dụng khái niệm "mở rộng" và "đào sâu", chúng ta có thể xây dựng một ma trận của các lĩnh vực nghiên cứu an ninh như minh họa trong Hình 1. Ma trận bao gồm 4 ô, mỗi ô đại diện cho một nhóm văn liệu khác nhau trong lĩnh vực này. Tôi giả định rằng một "mối đe dọa an ninh" bao hàm một số loại mối đe dọa đến sự sống còn. Nửa trên của Hình bao gồm các công trình tập trung vào các mối đe dọa an ninh quốc gia, nửa dưới là các công trình xem xét các mối đe dọa an ninh đến xã hội, các nhóm và cá nhân. Phía bên trái của ma trận cho thấy những tài liệu tập trung vào các mối đe dọa quân sự, và phía bên phải là các mối đe dọa

³⁴ Stephen M. Walt, "The Renaissance of Security Studies," *International Studies Quarterly*, Vol. 35, No. 1 (March 1991), p. 212. Về phê bình chủ nghĩa truyền thống của Walt, xem Edward A. Kolodziej, "Renaissance in Security Studies? Caveat Lector!" *International Studies Quarterly*, Vol. 36, No. 4 (December 1992), pp. 421–438

³⁵ Tôi mượn thuật ngữ này từ Richard Wyn Jones, *Security, Strategy, and Critical Theory* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 1999).

³⁶ Ví dụ, xem Richard H. Ullmann, "Redefining Security," *International Security*, Vol. 8, No.1 (Summer 1983), pp. 129–153; Jessica Tuchman Mathews, "Redefining Security," *Foreign Affairs*, Vol. 68, No. 2 (Spring 1989), pp. 162–177; Sean M. Lynn-Jones and Steven E. Miller, eds., *Global Dangers: Changing Dimensions of International Security* (Cambridge, Mass.: MIT Press, 1995).

³⁷ Ví dụ, xem Robert L. Rothstein, ed., *After the Peace: Resistance and Reconciliation* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 1999); Barbara F. Walter, "Designing Transitions from Civil War: Demobilization, Democratization, and Commitments to Peace," *International Security*, Vol. 24, No. 1 (Summer 1999), pp. 127–155; Krishna Kumar, ed., *Rebuilding Societies after Civil War: Critical Roles for International Assistance* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 1997); and Donald L. Horowitz, *Ethnic Groups in Conflict* (Berkeley: University of California Press, 1985).

³⁸ Ví dụ, xem Bill McSweeney, *Security, Identity, and Interests: A Sociology of International Relations* (Cambridge: Cambridge University Press, 1999); Keith Krause and Michael C. Williams, eds., *Critical Security Studies* (Minneapolis: University of Minnesota Press, 1997); David Campbell, *Writing Security: United States Foreign Policy and the Politics of Identity* (Manchester: Manchester University Press, 1998); Barry Buzan, Ole Wæver, and Jaap de Wilde, *Security: A New Framework for Analysis* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 1998).

quân sự hoặc phi quân sự, hoặc cả hai. Những sự phân chia này đưa ra một hệ thống gồm bốn phần của lĩnh vực nghiên cứu an ninh:

Nguồn của đe dọa an ninh là gì?

	Quân sự	Quân sự, phi quân sự hoặc cả hai
Các nhà nước	<p><u>Ô 1</u></p> <p>An ninh quốc gia (cách tiếp cận hiện thực chủ nghĩa truyền thống đối với nghiên cứu an ninh)</p>	<p><u>Ô 2</u></p> <p>An ninh được tái định nghĩa (ví dụ, an ninh môi trường và kinh tế)</p>
An ninh cho ai?		
Các xã hội, nhóm và cá nhân	<p><u>Ô 3</u></p> <p>An ninh nội bộ quốc gia (ví dụ, nội chiến, xung đột sắc tộc và nạn diệt chủng)</p>	<p><u>Ô 4</u></p> <p>An ninh con người (ví dụ, những mối đe dọa môi trường và kinh tế đến sự sống còn của các xã hội, nhóm và cá nhân)</p>

- Ô 1 chứa những công trình tập trung vào những mối đe dọa quân sự đối với an ninh của các quốc gia. Những nhà hiện thực truyền thống có xu hướng chấp nhận quan điểm này, điều lâu nay từng thống trị những nghiên cứu an ninh mang tính học thuật, đặc biệt là ở Hoa Kỳ.³⁹ Ví dụ, hầu hết các bài báo xuất bản trong tạp chí *International Security* đều rơi vào thể loại này.
- Ô 2 chứa những công trình xem xét những mối đe dọa phi quân sự (thay vì hoặc thêm vào các mối đe dọa quân sự) đến an ninh của các quốc gia, bao gồm cả những thách thức môi trường và kinh tế. Bài báo năm 1989 được trích dẫn nhiều "Tái xác định an ninh" ("Redefining Security") của Jessica Tuchman Mathews là điển hình của thể loại này. Mathews lập luận rằng chính sách an ninh đối ngoại nên kết hợp những xem xét về sự hủy diệt môi trường bên cạnh những thứ khác, nhưng bà vẫn coi nhà nước, hơn là những

³⁹ Ví dụ, xem Walt, "The Renaissance of Security Studies"; Richard K. Betts, "Should Strategic Studies Survive?" *World Politics*, Vol. 50, No. 1 (October 1997), pp. 7–33; Michael E. Brown, Owen R. Coté, Jr., Sean M. Lynn-Jones, and Steven E. Miller, eds., *America's Strategic Choices*, rev. ed. (Cambridge, Mass.: MIT Press, 2000); David A. Baldwin, "Security Studies and the End of the Cold War," *World Politics*, Vol. 48, No. 1 (October 1995), pp. 117–141; Joseph S. Nye, Jr., and Sean M. Lynn-Jones, "International Security Studies: A Report of a Conference on the State of the Field," *International Security*, Vol. 12, No. 4 (Spring 1988), pp. 5–27

chủ thể dưới nhà nước, là đối tượng nổi bật của an ninh.⁴⁰ Những ví dụ khác bao gồm báo cáo năm 1982 của Ủy ban Palme có tên *An ninh chung (Common Security)*, trong đó lập luận rằng vũ khí hạt nhân đe dọa sự sống còn của tất cả các nước;⁴¹ những điều tra về mối quan hệ giữa suy thoái môi trường và xung đột vũ trang quốc tế;⁴² và những nghiên cứu về chính sách kinh tế đối ngoại và an ninh quốc tế.⁴³

- Ô 3 bao gồm những công trình tập trung vào những mối đe dọa quân sự đến các chủ thể khác ngoài nhà nước: cụ thể là các xã hội, các nhóm và cá nhân. Sự phổ biến của bạo lực trong nước kể từ khi kết thúc Chiến tranh Lạnh đã làm gia tăng lượng văn liệu về các cuộc xung đột nội bộ nhà nước, trong đó các nhóm dưới nhà nước là bên tham chiến chính.⁴⁴ Ngoài ra, các nghiên cứu về "nạn diệt chủng," hoặc việc giết người có chủ ý bởi nhà nước đối với công dân họ cũng rơi vào phạm trù này.⁴⁵

⁴⁰ Mathews, "Redefining Security." Xem thêm Ullmann, "Redefining Security"; and Joseph J. Romm, *Defining National Security: The Nonmilitary Aspects* (New York: Council on Foreign Relations, 1993).

⁴¹ Independent Commission on Disarmament and Security Issues, *Common Security: A Blueprint for Survival* (New York: Simon and Schuster, 1982)

⁴² Ví dụ, xem Thomas F. Homer-Dixon, *Environment, Scarcity, and Violence* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1999); và Nils Peter Gleditsch, "Armed Conflict and the Environment: A Critique of the Literature," *Journal of Peace Research*, Vol. 35, No. 3 (May 1998), pp. 381–400. Để biết danh sách tài liệu tham khảo hữu ích, xem Geoffrey D. Dabelko, ed., *Environmental Change and Security Project Report*, No. 6 (Summer 2000), pp. 232–238, có tại <http://ecsp.si.edu/pdf/Report6-10.pdf> (accessed on May 5, 2001).

⁴³ Ví dụ, xem Jean-Marc F. Blanchard, Edward D. Mansfield, và Norrin M. Ripsman, eds., *Power and the Purse: Economic Statecraft, Interdependence, and National Security* (London: Frank Cass, 2000); C. Fred Bergsten, "America's Two-Front Economic Conflict," *Foreign Affairs*, Vol. 80, No. 2 (March–April 2001), pp. 16–27; Richard N. Haass, ed., *Economic Sanctions and American Diplomacy* (New York: Council on Foreign Relations, 1998); Jonathan Kirschner, "Political Economic in Security Studies after the Cold War," *Review of International Political Economy*, Vol. 5, No. 1 (Spring 1998), pp. 64–91.

⁴⁴ Ví dụ, xem John Mueller, "The Banality of 'Ethnic War,'" *International Security*, Vol. 25, No. 1 (Summer 2000), pp. 42–70; Benjamin Valentino, "Final Solutions: The Causes of Mass Killing and Genocide," *Security Studies* Vol. 9, No. 3 (Spring 2000), pp. 1–59; Barbara F. Walter and Jack Snyder, eds., *Civil Wars, Insecurity, and Intervention* (New York: Columbia University Press, 1999); Beverly Crawford and Ronnie D. Lipschutz, eds., *The Myth of 'Ethnic Conflict': Politics, Economics, and 'Cultural' Violence* (Berkeley: International and Area Studies, University of California, 1998); Chaim Kaufmann, "Possible and Impossible Solutions to Ethnic Civil Wars," *International Security*, Vol. 20, No. 4 (Spring 1996), pp. 136–175; Donald M. Snow, *Uncivil Wars: International Security and the New Internal Conflicts* (Boulder, Colo.: Lynne Rienner, 1996); Michael E. Brown, ed., *Ethnic Conflict and International Security* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1993); Roy Licklider, ed., *Stopping the Killing: How Civil Wars End* (New York: New York University Press, 1993).

⁴⁵ Ví dụ, xem R.J. Rummel, *Power Kills: Democracy as a Method of Non-Violence* (New Brunswick, N.J.: Transaction, 1997); Gerald W. Scully, "Democide and Genocide as Rent-Seeking Activities," *Public Choice*, Vol. 93, Nos. 1–2 (October 1997), pp. 77–97; Matthew Krain, "State-Sponsored Mass Murder: The Onset and Severity of Genocides and Politicides," *Journal of Conflict Resolution*, Vol. 41, No. 3 (June 1997), pp. 331–360.

- Ô 4 có liên quan đến những mối đe dọa quân sự hoặc phi quân sự - hoặc cả hai – đến an ninh của các xã hội, các nhóm và cá nhân. Ví dụ, đói nghèo có tạo ra bạo lực trong lòng các xã hội không?⁴⁶ Có phải những thể chế chính trị trong nước nhất định thuận lợi hơn cho hòa bình trong nước không?⁴⁷ Có phải mức độ đô thị hóa của một xã hội, hoặc tiếp cận chăm sóc y tế, liên quan đến sự xuất hiện của bạo lực dân sự?⁴⁸ Những điều kiện xã hội khác nào gây nguy hại đến sự sống còn của các nhóm và cá nhân? Tất cả những câu hỏi này sẽ rơi vào phạm trù nghiên cứu mà tôi đặt tên là "an ninh con người."

Sử dụng thuật ngữ "an ninh con người" để mô tả loại nghiên cứu này có nhiều ưu điểm. Đầu tiên, nội dung của Ô 4 phản ánh nhiều mối quan tâm của liên minh an ninh con người, vì vậy việc sử dụng thuật ngữ này là hợp lý. Thứ hai, sử dụng "an ninh con người" như một tên gọi chung cho một phạm trù nghiên cứu sẽ loại bỏ vấn đề đưa ra những giả thuyết rõ ràng từ bản thân khái niệm an ninh con người - một khái niệm mà tôi đã lập luận là cung cấp rất ít giá trị phân tích bởi vì nó quá rộng và mơ hồ. Do đó, các học giả làm việc trong các "nhánh an ninh con người" của nghiên cứu an ninh sẽ không cần phải biện minh cho sự xứng đáng và giá trị của an ninh con người, mà thay vào đó họ sẽ tập trung vào những câu hỏi cụ thể hơn vốn có thể được xác định rõ ràng (và có lẽ thậm chí còn được trả lời). Thứ

⁴⁶ Steve Majstorovic, "Politicized Ethnicity and Economic Inequality," *Nationalism and Ethnic Politics*, Vol.1, No.1 (Spring1995), pp.33–53; Walker Connor, "Eco-or Ethno-Nationalism," in Connor, *Ethnonationalism: The Quest for Understanding* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1994), pp. 145–164; Ted Robert Gurr, "Why Minorities Rebel: A Global Analysis of Communal Mobilization and Conflict since 1945," *International Political Science Review*, Vol. 14, No. 2 (April 1993), pp. 161–201; Saul Newman, "Does Modernization Breed Ethnic Conflict?" *World Politics*, Vol. 43, No.3 (April 1991), pp.451-478; James B.Rule, *Theories of Civil Violence* (Berkeley: University of California Press, 1988); Steven Finkel and James B. Rule, "Relative Deprivation and Related Theories of Civil Violence: A Critical Review," in Kurt Lang and Gladys Lang, eds., *Research in Social Movements, Conflicts, and Change* (Greenwich, Conn.: JAI, 1986), Vol. 9, pp. 47–69; Ted Robert Gurr, *Why Men Rebel* (Princeton, N.J.: Princeton University Press, 1970); William Ford and John Moore, "Additional Evidence on the Social Characteristics of Riot Cities," *Social Science Quarterly*, Vol. 51, No. 2 (September 1970), pp. 339–348.

⁴⁷ Havard Hegre, Tanja Ellingsen, Nils Petter Gleditsch, and Scott Gales, "Towards a Democratic Civil Peace? Opportunity, Grievance, and Civil War, 1816–1992," paper presented to the workshop Civil Conflicts, Crime, and Violence in Developing Countries, World Bank, Washington, D.C., February 1999; Matthew Krain and Marissa Edson Myers, "Democracy and Civil War: A Note on the Democratic Peace Proposition," *International Interactions*, Vol. 23, No. 1 (June 1997), pp. 109–118; Michael Engelhardt, "Democracies, Dictatorships, and Counterinsurgency: Does Regime Type Really Matter?" *Conflict Quarterly*, Vol. 12, No. 3 (Summer 1992), pp. 52–63.

⁴⁸ Hai nhân tố này, bên cạnh những nhân tố khác, được nghiên cứu trong Daniel C. Esty, Jack A. Goldstone, Ted Robert Gurr, Barbara Harff, Marc Levy, Geoffrey D. Dabelko, Pamela T. Surko, and Alan N. Unger, *State Failure Task Force Report: Phase II Findings* (McLean, Va.: Science Applications International Corporation, 1998). Về phê bình đối với báo cáo này, xem Gary King and Langche Zeng, "Improving Forecasts Of State Failure," paper prepared for the Midwest Political Science Association meeting in Chicago, Illinois, November 13, 2000, <http://gking.harvard.edu/ales/civil.pdf> (accessed on May 5, 2001).

ba, và cũng liên quan, là mặc dù nhiều học giả trong nhánh nghiên cứu an ninh này có thể quan tâm đến các câu hỏi mang tính quy phạm cũng như những câu hỏi thực nghiệm, lợi thế của việc sử dụng an ninh con người như một tên gọi mang tính mô tả cho một nhánh nghiên cứu là tên gọi này sẽ không mặc định trước bất kỳ xu hướng ủng hộ quy chuẩn cụ thể nào.⁴⁹

Thứ tư, phân định lĩnh vực nghiên cứu theo cách này - với an ninh con người là một nhánh - giúp phân biệt các phương pháp tiếp cận phi truyền thống chủ yếu đối với nghiên cứu an ninh so với các cách tiếp cận khác. Với việc mở rộng và đào sâu các nghiên cứu an ninh trong những năm gần đây, sẽ không còn hữu ích hay hợp lý nữa nếu phân chia lĩnh vực nghiên cứu ra làm hai, với phương pháp tiếp cận hiện thực, lấy nhà nước làm trung tâm, thiên về quân sự đối với nghiên cứu an ninh nằm ở vùng lõi, và một tập hợp lộn xộn các cách tiếp cận thay thế nằm ở ngoại vi. Những phương pháp tiếp cận thay thế thực sự rơi vào những nhóm rộng và đã trở nên đủ quan trọng để xứng đáng có được hệ thống phân loại riêng của mình. Phân định lĩnh vực nghiên cứu theo những cách thức mới có thể giúp chúng ta hiểu các phương pháp này liên quan đến các phương pháp tiếp cận truyền thống hơn như thế nào và liên quan với nhau ra sao. Cuối cùng, sự hợp thời của tên gọi chung "an ninh con người" có thể có lợi cho các học giả bởi nó thu hút sự chú ý đến những công trình hiện có trong Ô 4 và mở những vùng nghiên cứu mới trong nhánh này của lĩnh vực nghiên cứu về an ninh.

Tất nhiên, ranh giới giữa bốn phần là không tuyệt đối. Ví dụ, suy thoái môi trường đồng thời có thể gây ra mối đe dọa đối với sự sống còn của các quốc gia cũng như các chủ thể dưới quốc gia, và do đó có thể rơi vào cả Ô 2 hoặc Ô 4.⁵⁰ Tuy nhiên, việc dịch chuyển giữa các ranh giới này không phải là một vấn đề quan trọng đối với các học giả vì mỗi phần đại diện cho một phạm trù nghiên cứu rộng - hoặc một nhóm các vấn đề và câu hỏi - chứ không phải là một giả thuyết hoặc lý thuyết về mối quan hệ nhân quả riêng biệt, những thứ cần phải được xác định rõ ràng hơn.

Kết luận

An ninh con người đã được mô tả thành nhiều thứ khác nhau: một lời kêu gọi tập hợp lực lượng, một chiến dịch chính trị, một tập hợp các niềm tin về nguồn gốc của

⁴⁹ Ví dụ, các học giả có thể kết luận rằng những điều kiện kinh tế-xã hội nhất định không liên quan tới bất cứ mối đe dọa nào đến sự sống còn của con người.

⁵⁰ Steven J. Del Rosso, Jr., "The Insecure State: Reflections on 'The State' and 'Security' in a Changing World," *Dædalus*, Vol. 124, No. 2 (Spring 1995), p. 185.

xung đột bạo lực, một khái niệm mới về an ninh, và một định hướng cho những nhà hoạch định chính sách và các nhà nghiên cứu học thuật. Trong vai trò một lời kêu gọi tập hợp lực lượng, ý tưởng về an ninh con người đã kết hợp thành công một liên minh đa dạng gồm các quốc gia, tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ. Trong vai trò một chiến dịch chính trị, liên minh an ninh con người đã hoàn thành một số mục tiêu cụ thể, chẳng hạn như đàm phán công ước về chống mìn sát thương. Nhưng trong vai trò một khái niệm mới về an ninh, hoặc một tập hợp các niềm tin về nguồn gốc của xung đột, an ninh con người quá mơ hồ mà gần như vô nghĩa - và do đó cung cấp rất ít chỉ dẫn thực tế cho các học giả quan tâm tới việc áp dụng khái niệm này, hoặc cho những nhà hoạch định chính sách, những người phải sắp xếp theo thứ tự ưu tiên các mục tiêu chính sách cạnh tranh lẫn nhau. Những nỗ lực để thu hẹp các định nghĩa về an ninh con người là một bước đi đúng hướng, nhưng chúng có thể sẽ gặp phải sự kháng cự từ các chủ thể, những người tin rằng sức mạnh của khái niệm nằm trong chính sự bao trùm và tính toàn diện của nó. Sự mở rộng quá mức về mặt định nghĩa và sự mơ hồ là các thuộc tính mạnh mẽ của an ninh con người, nhưng chỉ theo nghĩa là chúng tạo điều kiện cho hành động tập thể bởi các thành viên của liên minh an ninh con người. Tuy nhiên, cũng chính những tính chất này lại gây trở ngại khiến các khái niệm về an ninh con người không thể trở thành một công cụ phân tích hữu ích. Mặt khác, an ninh con người có thể cung cấp một tên gọi chung tiện dụng cho một phạm trù nghiên cứu rộng lớn - một nhánh riêng biệt của nghiên cứu an ninh vốn tìm hiểu các điều kiện cụ thể ảnh hưởng đến sự tồn tại của các cá nhân, nhóm, và xã hội. Điều này cũng có thể giúp biến nhánh nghiên cứu này trở thành một thành phần trung tâm trong lĩnh vực nghiên cứu an ninh.

GIỚI THIỆU DỰ ÁN *NGHIENCUUQUOCTE.NET*

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại độc

giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Trang chủ dự án: <http://nghiencuuquocte.net/>

Thông tin thêm về Dự án: <http://nghiencuuquocte.net/about/>

Danh mục các bài đã xuất bản: <http://nghiencuuquocte.net/muc-luc/>

Theo dõi Dự án trên Facebook: <https://www.facebook.com/DAnghiencuuquocte>

Ý kiến đóng góp và mọi liên hệ xin gửi về: Lê Hồng Hiệp, nghiencuuquocte@gmail.com
